

Số: 596 /QĐ-HVPNVN

Hà Nội, ngày 21 tháng 6 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ ngành Công tác xã hội

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN PHỤ NỮ VIỆT NAM

Căn cứ Quyết định số 1558/QĐ-TTg ngày 18/10/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Học viện Phụ nữ Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 18/2021/TT-BGDĐT ngày 28/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ;

Căn cứ Thông tư 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ Quyết định 169/QĐ-HVPNVN ngày 03/3/2023 của Giám đốc Học viện Phụ nữ Việt Nam về việc ban hành quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ;

Căn cứ biên bản họp ngày 09/6/2023 của Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ ngành Công tác xã hội;

Theo đề nghị của Hội đồng Khoa học và Đào tạo, Phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ ngành Công tác xã hội, mã số: 9760101 (có văn bản chi tiết kèm theo).

Điều 2. Phòng Đào tạo, Khoa Công tác xã hội và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Hội đồng KH&ĐT
- Website Học viện
- Lưu VT.



Trần Quang Tiến

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ NGÀNH CÔNG TÁC XÃ HỘI

*(Ban hành theo Quyết định số 596/QĐ-HVPNVN ngày 21 tháng 6 năm 2023
của Học viện Phụ nữ Việt Nam)*

1. Giới thiệu chung về chương trình đào tạo

- Tên, mã số ngành đào tạo:
- + Tên tiếng Việt: Công tác xã hội
- + Tên tiếng Anh: Social Work
- + Mã ngành đào tạo: 9760101
- Trình độ đào tạo: Tiến sĩ
- Thời gian đào tạo: 3 năm đối với thí sinh có bằng thạc sĩ và 4 năm đối với thí sinh có bằng tốt nghiệp đại học.

Trong trường hợp gia hạn, tổng thời gian đào tạo không vượt quá 5 năm (60 tháng) đối với nghiên cứu sinh có bằng thạc sĩ và 6 năm (72 tháng) đối với nghiên cứu sinh có bằng tốt nghiệp đại học. Trong trường hợp ngoại lệ, nghiên cứu sinh được rút ngắn hoặc kéo dài thời gian học tập theo Quy định đào tạo tiến sĩ của Học viện Phụ nữ Việt Nam.

- Ngôn ngữ đào tạo: Tiếng Việt
- Văn bằng tốt nghiệp: Bằng Tiến sĩ Công tác xã hội (Doctor of Philosophy in Social Work)
- Đơn vị đào tạo và cấp bằng: Học viện Phụ nữ Việt Nam.

2. Mục tiêu chương trình đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

Đào tạo nguồn nhân lực có trình độ cao về Công tác xã hội - những nhà khoa học, chuyên gia, nhà quản lý có kiến thức thực tế và lý thuyết tiên tiến, hiểu biết sâu rộng về chuyên môn liên quan đến lý thuyết, quản trị, phúc lợi xã hội, cộng đồng và các lĩnh vực chuyên biệt về Công tác xã hội; Có kỹ năng phổ biến tri thức, thiết lập mạng lưới hợp tác, điều hành hoạt động chuyên môn của tổ chức; Có năng lực làm việc, nghiên cứu độc lập, tư duy sáng tạo, thích nghi với môi trường làm việc, có khả năng hội nhập

với khu vực và thế giới; Có khả năng tự định hướng và dẫn dắt chuyên môn, hướng dẫn nghiên cứu, khả năng đưa ra các kết luận, khuyến cáo khoa học; Có phẩm chất chính trị, đạo đức, trách nhiệm xã hội và sức khỏe, có tinh thần phục vụ nhân dân và ý thức bình đẳng giới.

2.2. Mục tiêu cụ thể

Nghiên cứu sinh tốt nghiệp Chương trình đào tạo tiến sĩ Công tác xã hội có thể:

MT1: Có kiến thức lý thuyết tiên tiến, kiến thức thực tiễn sâu rộng về quản trị công tác xã hội, phúc lợi xã hội, phát triển cộng đồng và các lĩnh vực Công tác xã hội chuyên biệt.

MT2: Có kỹ năng phổ biến tri thức, thiết lập mạng lưới hợp tác, quản lý, điều hành hoạt động chuyên môn của tổ chức thực hành Công tác xã hội.

MT3: Có năng lực làm việc, nghiên cứu độc lập, tư duy sáng tạo, phát hiện và giải quyết vấn đề, thích nghi với môi trường làm việc, có khả năng hội nhập với khu vực và thế giới.

MT4: Có khả năng tự định hướng và dẫn dắt chuyên môn, hướng dẫn nghiên cứu, khả năng đưa ra các kết luận, khuyến cáo khoa học cấp ngành, khu vực và quốc gia.

MT5: Có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp, thể hiện tính chuyên nghiệp cao trong công việc chuyên môn, có trách nhiệm xã hội, có sức khỏe, có tinh thần phục vụ nhân dân và ý thức bình đẳng giới.

3. Chuẩn đầu ra

Nghiên cứu sinh tốt nghiệp chương trình đào tạo Tiến sĩ Công tác xã hội có thể:

3.1. Chuẩn đầu ra về kiến thức

- KT1: Phân tích sâu và đánh giá được các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước liên quan đến lĩnh vực Công tác xã hội nói chung, đặc biệt về chính sách xã hội, phúc lợi xã hội và an sinh xã hội đối với các nhóm thân chủ.

- KT2: Phân tích, hệ thống hóa các lý thuyết nền tảng, tiên tiến nhằm lý giải, định hướng và xây dựng cách thực hiện, tổ chức, can thiệp các vấn đề xã hội theo các lĩnh vực: quản trị công tác xã hội, phát triển cộng đồng, các vấn đề xã hội thực tế chuyên sâu và các nhóm yếu thế của xã hội.

- KT3: Thiết kế, xây dựng và triển khai được các nghiên cứu; Hướng dẫn được các nghiên cứu đối với người khác; Đánh giá, phản biện, xếp loại được các nghiên cứu; Phát triển các nguyên lý, học thuyết ứng dụng và phương pháp can thiệp trong nghiên cứu.

cứu và thực hành nghề nghiệp; Cập nhật các phương pháp nghiên cứu hiện đại trên thế giới về Công tác xã hội.

3.2. Chuẩn đầu ra về kỹ năng

KN1: Có năng lực thực hành, tư vấn ở trình độ cao về các lĩnh vực chuyên sâu của Công tác xã hội.

KN2: Có năng lực tổng quan lý thuyết/cơ sở lý luận và các công trình nghiên cứu liên quan Công tác xã hội; thành thạo xây dựng đề cương, thiết kế, triển khai, khảo sát, viết báo cáo nghiên cứu khoa học hoàn chỉnh về một chủ đề thuộc ngành Công tác xã hội để phát hiện và giải quyết những vấn đề mới ở cấp ngành, khu vực, quốc gia dựa trên các dữ liệu khách quan.

KN3: Có khả năng viết bài báo khoa học và đăng tải trên các tạp chí khoa học chuyên ngành có uy tín trong nước hoặc nước ngoài; có kỹ năng trình bày kết quả nghiên cứu tại các hội nghị khoa học.

KN4: Có khả năng cao trong phát hiện, phân tích các vấn đề phức tạp và đưa ra các giải pháp sáng tạo để giải quyết vấn đề; có khả năng sáng tạo tri thức mới trong lĩnh vực Công tác xã hội, có năng lực tổng hợp, có khả năng xử lý các vấn đề về Công tác xã hội quy mô ở khu vực và quốc tế.

KN5: Thể hiện khả năng thiết lập, mở rộng mạng lưới hợp tác trong hoạt động nghiên cứu khoa học, quản lý, thực hành chuyên môn, điều hành hoạt động chuyên môn của tổ chức.

3.3. Chuẩn đầu ra về mức độ tự chủ và trách nhiệm

TC-TN1: Khả năng tự định hướng nghiên cứu khoa học và dẫn dắt người khác trong chuyên môn, khả năng hướng dẫn nghiên cứu khoa học; khả năng đưa ra các kết luận, khuyến cáo khoa học trong lĩnh vực Công tác xã hội cấp ngành, khu vực và quốc gia.

TC-TN2: Tác phong làm việc chuyên nghiệp trong chuyên môn, tinh thần trách nhiệm và chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp; phẩm chất chính trị và đạo đức tốt; tinh thần phục vụ nhân dân; ý thức về bình đẳng giới.

3.4. Khả năng học tập, nâng cao trình độ và phát triển nghề nghiệp của người học sau khi tốt nghiệp

- Người học sau khi tốt nghiệp có khả năng tự học, tự nghiên cứu, tự cập nhật kiến thức mới về các vấn đề chung của lĩnh vực kinh tế xã hội và các vấn đề đặc thù của ngành Công tác xã hội.

- Tiến sĩ Công tác xã hội dưới 45 tuổi có khả năng tham gia chương trình nghiên cứu sau tiến sĩ (post-doc) ở các cơ sở đại học quốc tế được xếp thứ hạng cao; tiến sĩ Công tác xã hội dưới 35 tuổi có khả năng tham gia các lớp “đại học hè” nâng cao, cập nhật phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội.

- Có khả năng tiếp cận với quy trình công việc cụ thể đối với các vị trí được đảm nhận.

- Có khả năng học tập, nghiên cứu và thực hiện các hoạt động để phát triển thành các nhà quản lý hoặc chuyên gia ở các mức độ khác nhau.

3.5. Vị trí việc làm của người học sau khi tốt nghiệp

Vị trí công tác/việc làm	Loại hình tổ chức
<ul style="list-style-type: none"> - Nhà quản trị/quản lý công tác xã hội ở các cơ quan quản lý Nhà nước ở các cấp từ trung ương đến địa phương. - Chuyên gia, người tự khởi nghiệp trong các lĩnh vực liên quan đến Công tác xã hội. - Nghiên cứu viên và chuyên gia trong các viện nghiên cứu, trung tâm nghiên cứu về Công tác xã hội và xã hội. - Giảng viên, nghiên cứu viên tại các trường đại học, cao đẳng, trung tâm, viện... - Làm việc trong các tổ chức phi chính phủ, phi lợi nhuận, các trung tâm, dự án phát triển. - Làm việc ở các đơn vị, tổ chức có liên quan tới các vấn đề xã hội. 	<ul style="list-style-type: none"> - Các cơ quan chuyên trách của các tổ chức chính trị - xã hội các cấp từ trung ương đến địa phương; - Các cơ quan của ngành Lao động - Thương binh - Xã hội các cấp từ trung ương đến địa phương; - Các cơ quan/tổ chức trong hệ thống Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam trên toàn quốc; - Các trường đại học, học viện, viện nghiên cứu, trung tâm, các trường cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp; - Các cơ sở cung cấp dịch vụ xã hội cho các đối tượng xã hội khác nhau thuộc cơ quan nhà nước, tư nhân, phi chính phủ, quốc tế...; - Các cơ quan, ban ngành, đoàn thể hoặc thuộc các các lĩnh vực: y tế, giáo dục, pháp luật, phúc lợi xã hội...; công chức làm việc tại các cơ quan/tổ chức địa phương; - Các cơ sở trợ giúp người yếu thế, tự khởi nghiệp trong các lĩnh vực liên quan đến Công tác xã hội với mục đích phục vụ cộng đồng.

3.6. Ma trận đóng góp của Chuẩn đầu ra vào Mục tiêu Chương trình đào tạo

STT	Mã CĐR	Mục tiêu 1	Mục tiêu 2	Mục tiêu 3	Mục tiêu 4	Mục tiêu 5
1.	KT1	x				
2.	KT2	x				
3.	KT3			x	x	
4.	KN1			x	x	
5.	KN2			x	x	
6.	KN3			x		
7.	KN4				x	
8.	KN5		x			
9.	TC-TN1				x	
10.	TC-TN2					x

4. Điều kiện tuyển sinh

Thực hiện theo Quy chế Tuyển sinh và Đào tạo trình độ Tiến sĩ của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành theo Thông tư số 18/2021/TT-BGDĐT ngày 28/6/2021 và Quy chế tuyển sinh và Đào tạo trình độ Tiến sĩ của Học viện Phụ nữ Việt Nam ban hành theo Quyết định số 169/QĐ-HVPNVN ngày 03/3/2023.

4.1. Yêu cầu đối với người dự tuyển

Thí sinh dự tuyển vào chương trình đào tạo tiến sĩ Công tác xã hội của Học viện Phụ nữ Việt Nam phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:

- Lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành án hình sự, kỉ luật từ mức cảnh cáo trở lên.

- Có đủ sức khỏe để học tập.

- Có bằng tốt nghiệp đại học chính qui ngành đúng hoặc ngành gần từ loại giỏi trở lên (đối với thí sinh có bằng đại học ngành gần phải học bổ sung kiến thức) hoặc bằng thạc sĩ ngành/chuyên ngành đúng. Văn bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải thực hiện thủ tục công nhận theo quy định hiện hành.

- Là tác giả hoặc đồng tác giả tối thiểu 01 bài báo thuộc tạp chí khoa học chuyên ngành hoặc 01 báo cáo khoa học đăng tại kỷ yếu của các hội nghị, hội thảo khoa học quốc gia hoặc quốc tế có phản biện, có mã số xuất bản ISBN liên quan đến lĩnh vực hoặc đề tài nghiên cứu, được Hội đồng chức danh giáo sư của ngành/liên ngành công nhận trong thời hạn 03 năm (36 tháng) tính đến ngày đăng ký dự tuyển.

- Có đề cương nghiên cứu, trong đó nêu rõ tên đề tài dự kiến, lĩnh vực nghiên cứu; lí do lựa chọn lĩnh vực, đề tài nghiên cứu; giản lược về tình hình nghiên cứu lĩnh vực đó trong và ngoài nước; mục tiêu nghiên cứu; một số nội dung nghiên cứu chủ yếu;

phương pháp nghiên cứu và dự kiến kết quả đạt được; lí do lựa chọn đơn vị đào tạo; kế hoạch thực hiện trong thời gian đào tạo; những kinh nghiệm, kiến thức, sự hiểu biết cũng như những chuẩn bị của thí sinh cho việc thực hiện luận án tiến sĩ. Trong đề cương có thể đề xuất cán bộ hướng dẫn.

- Có thư giới thiệu của ít nhất 01 nhà khoa học có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc học vị tiến sĩ khoa học, tiến sĩ đã tham gia hoạt động chuyên môn với người dự tuyển và am hiểu lĩnh vực chuyên môn mà người dự tuyển dự định nghiên cứu. Thư giới thiệu phải có những nhận xét, đánh giá ứng viên dự tuyển về:

+ Phẩm chất đạo đức, năng lực và thái độ nghiên cứu khoa học, trình độ chuyên môn của người dự tuyển.

+ Đối với nhà khoa học đáp ứng các tiêu chí của người hướng dẫn nghiên cứu sinh và đồng ý nhận làm cán bộ hướng dẫn luận án, cần bổ sung thêm nhận xét về tính cấp thiết, khả thi của đề tài, nội dung nghiên cứu; và nói rõ khả năng huy động nghiên cứu sinh vào các đề tài, dự án nghiên cứu cũng như nguồn kinh phí có thể chi cho hoạt động nghiên cứu của nghiên cứu sinh. Những nhận xét khác và mức độ ủng hộ, giới thiệu thí sinh làm nghiên cứu sinh.

- Người dự tuyển phải có một trong những văn bằng chứng chỉ minh chứng về năng lực ngoại ngữ phù hợp với chuẩn đầu ra về ngoại ngữ của chương trình đào tạo được Học viện Phụ nữ Việt Nam phê duyệt:

+ Bằng tốt nghiệp đại học hoặc bằng thạc sĩ do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp cho người học toàn thời gian ở nước ngoài mà ngôn ngữ sử dụng trong quá trình học tập là tiếng Anh hoặc tiếng nước ngoài khác;

+ Bằng tốt nghiệp đại học các ngành ngôn ngữ nước ngoài do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp;

+ Chứng chỉ tiếng Anh TOEFL iBT từ 45 trở lên hoặc Chứng chỉ IELTS (Academic Test) từ 5.0 trở lên do một tổ chức khảo thí được quốc tế và Việt Nam công nhận cấp trong thời hạn 02 năm (24 tháng) tính đến ngày đăng ký dự tuyển;

+ Người dự tuyển đáp ứng quy định tại điểm (a) khi ngôn ngữ sử dụng trong thời gian học tập không phải tiếng Anh; hoặc đáp ứng quy định tại điểm (b) khi có bằng tốt nghiệp đại học ngành ngôn ngữ học nước ngoài không phải là tiếng Anh; hoặc có các chứng chỉ tiếng nước ngoài khác tiếng Anh ở trình độ tương đương theo quy định tại điểm (c) do một tổ chức khảo thí quốc tế và Việt Nam công nhận cấp trong thời hạn 02 năm (24 tháng) tính đến ngày đăng ký dự tuyển thì phải có khả năng giao tiếp được bằng tiếng Anh trong chuyên môn (có thể diễn đạt những vấn đề thuộc lĩnh vực chuyên môn cho người khác hiểu bằng tiếng Anh và hiểu được người khác trình bày những vấn đề chuyên môn bằng tiếng Anh).

+ Trong các trường hợp trên nếu không phải là tiếng Anh thì người dự tuyển phải có khả năng giao tiếp được bằng tiếng Anh trong chuyên môn cho người khác hiểu bằng tiếng Anh và hiểu được người khác trình bày những vấn đề chuyên môn bằng tiếng Anh. Hội đồng tuyển sinh thành lập tiểu ban để đánh giá năng lực tiếng Anh giao tiếp trong chuyên môn của các thí sinh thuộc đối tượng này.

Về điều kiện thâm niên công tác:

+ Ứng viên có bằng thạc sĩ ngành Công tác xã hội có quyền dự tuyển ngay trong năm tốt nghiệp.

+ Ứng viên có bằng cử nhân tốt nghiệp ngành Công tác xã hội và ngành gần loại giỏi cần có ít nhất 01 năm công tác trong lĩnh vực Công tác xã hội.

+ Ứng viên có bằng cử nhân tốt nghiệp ngành Công tác xã hội và ngành gần loại khá cần có ít nhất 02 năm công tác trong lĩnh vực Công tác xã hội.

- Có công văn cử đi dự tuyển của cơ quan quản lý trực tiếp theo quy định hiện hành về đào tạo và bồi dưỡng công chức, viên chức (nếu người dự tuyển là công chức, viên chức).

- Cam kết thực hiện các nghĩa vụ tài chính trong quá trình đào tạo theo quy định của Học viện Phụ nữ Việt Nam.

- Điều kiện về hồ sơ: Nộp hồ sơ đầy đủ, đúng thời hạn theo thông báo của Học viện Phụ nữ Việt Nam.

4.2. Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển

4.3. Hồ sơ ứng tuyển

01 Đơn ứng tuyển

02 Sơ yếu lý lịch

01 Bản sao bằng cấp cao nhất

01 Bản sao bảng điểm của bằng cấp cao nhất

01 Chứng chỉ tiếng Anh/ngoại ngữ

01 Bản sao giấy chứng nhận kiểm tra sức khỏe

04 Ảnh ID (ảnh trong thời hạn 06 tháng, kích thước 4x6 cm)

02 Thư giới thiệu

03 Bản nghiên cứu đã công bố

01 Đề xuất nghiên cứu

Lưu ý: Các ứng viên không có bằng thạc sĩ lĩnh vực/ngành Quản trị kinh doanh phù hợp sẽ được yêu cầu tham gia các khóa học chuyển đổi

4.4. Danh mục các ngành đúng, ngành gần

4.4.1. Đối với bằng của nhân:

- Ngành Công tác xã hội (7760101)
- Công tác Thanh thiếu niên (7760102)
- Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật (7760103)

4.4.2. Đối với bằng thạc sĩ:

- Ngành Công tác xã hội (8760101)

5. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

5.1. Khối lượng học tập toàn khoá

- Tổng khối lượng học tập của CTĐT là 90 tín chỉ đối với NCS đã có bằng thạc sĩ và 120 tín chỉ đối với NCS chưa có bằng thạc sĩ.

- Phân bổ theo các khối kiến thức như sau:

Các học phần bổ sung (đối với NCS chưa có bằng thạc sĩ): 30 tín chỉ

Các học phần bắt buộc (Compulsory Courses): 09 tín chỉ

Các học phần tự chọn (Elective Courses), chọn 01 trong 05 học phần : 03 tín chỉ

Các chuyên đề và tiểu luận tổng quan: 08 tín chỉ

Luận án tiến sĩ (Dissertation): 70 tín chỉ



5.2. Cấu trúc và nội dung Chương trình dạy học

STT	Mã học phần	Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Tổng số giờ tín chỉ		
				Lý thuyết	Thực hành, thực tập, tiểu luận, thảo luận	Tự học
I	Các học phần bổ sung (Đối với NCS đầu vào là cử nhân)		30	20	10	
1	CHCT01	Triết học	04	03	01	
2	CHNC01	Phương pháp nghiên cứu chuyên sâu trong Công tác xã hội	03	02	01	
3	CHCB01	Phân tích và hoạch định chính sách xã hội	03	02	01	
4	CHCB02	Giới và An sinh xã hội	03	02	01	
5	CHCB12	Hành vi con người và môi trường xã hội nâng cao	02	01	01	
6	CHCB13	Công tác xã hội cá nhân nâng cao	03	02	01	
7	CHCB14	Công tác xã hội nhóm nâng cao	03	02	01	
8	CHCB07	Xây dựng và quản lý dự án phát triển cộng đồng	03	02	01	
9	CHCB15	Quản trị Công tác xã hội nâng cao	03	02	01	
10	CHCI04	Công tác xã hội với người cao tuổi nâng cao	03	02	01	
II	Các học phần ở trình độ tiến sĩ		90			
II.1	Các học phần bắt buộc (Compulsory Courses)		09			
11	TSNC01	Thiết kế và triển khai nghiên cứu trong Công tác xã hội	03	02	01	
12	TSCB01	Các lý thuyết trong Công tác xã hội	03	02	01	
13	TSCB02	Quản trị trong phát triển tổ chức cung cấp dịch vụ xã hội	03	02	01	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Tổng số giờ tín chỉ		
				Lý thuyết	Thực hành, thực tập, tiểu luận, thảo luận	Tự học
II.2	Các học phần tự chọn (Elective Courses) Chọn 1 trong 5 học phần		03			
	TSCB03	Lịch sử và lý thuyết Phúc lợi xã hội	03	02	01	
	TSCB04	Vốn xã hội và phát triển cộng đồng	03	02	01	
	TSCI01	Trầm cảm và kỹ năng kiểm soát trầm cảm trong chăm sóc sức khỏe tâm thần tại cộng đồng	03	02	01	
	TSCI02	Công tác xã hội với người nghiện ma túy, người có HIV/AIDS	03	02	01	
	TSCI03	Mô hình chăm sóc người cao tuổi	03	02	01	
II.3	Các chuyên đề và tiểu luận tổng quan		8			
14	TSCI04	Chuyên đề 1	02	5 giờ	25 giờ	
12	TSCI05	Chuyên đề 2	02	5 giờ	25 giờ	
13	TSCI06	Chuyên đề 3	02	5 giờ	25 giờ	
14	TSCI07	Tiểu luận tổng quan	02	5 giờ	25 giờ	
II.4	Luận án tiến sĩ (Dissertation)		70			
25	TSCI08	Luận án tiến sĩ (Doctoral Dissertation)	70	0	1.700	1.700

5.3. Dự kiến kế hoạch giảng dạy

Kế hoạch giảng dạy đối với nghiên cứu sinh đã có bằng thạc sĩ và nghiên cứu sinh chưa có bằng thạc sĩ. Đối với nghiên cứu sinh chưa có bằng thạc sĩ sẽ học kiến thức bổ sung song song với chương trình đào tạo tiến sĩ.

Thời gian	Nội dung	Ghi chú
Năm thứ nhất	Xây dựng đề cương nghiên cứu	Cả hai đối tượng NCS
	Học các học phần bổ sung	Đối với NCS chưa có bằng thạc sĩ
	Học các học phần trong chương trình tiến sĩ	Cả hai đối tượng NCS
	Báo cáo đề cương nghiên cứu	Cả hai đối tượng NCS
Năm thứ hai	Thực hiện tiểu luận tổng quan	Cả hai đối tượng NCS
	Thực hiện chuyên đề tiến sĩ 1	Cả hai đối tượng NCS
	Thực hiện chuyên đề tiến sĩ 2	Cả hai đối tượng NCS
	Thực hiện chuyên đề tiến sĩ 3	Cả hai đối tượng NCS
	Bảo vệ các chuyên đề trước Hội đồng	Cả hai đối tượng NCS
Năm thứ ba	Viết và tổng hợp luận án	Cả hai đối tượng NCS
	Công bố kết quả nghiên cứu trên các tạp chí và hội thảo	Cả hai đối tượng NCS
	Bảo vệ luận án cấp cơ sở và cấp Học viện.	Đối với NCS đã có bằng thạc sĩ
Năm thứ tư	Bảo vệ luận án.	Đối với NCS chưa có bằng thạc sĩ

5.4. Ma trận Chuẩn đầu ra học phần

TT	Tên học phần	KT1	KT2	KT3	KN1	KN2	KN3	KN4	KN5	TC-TN 1	TC-TN2	NN- CNTT
1.	Thiết kế và triển khai nghiên cứu trong Công tác xã hội			3	3	3	2				2	
2.	Các lý thuyết trong Công tác xã hội		2									
3.	Quản trị trong phát triển tổ chức cung cấp dịch vụ xã hội		3						2			
4.	Lịch sử và lý thuyết Phúc lợi xã hội	2										
5.	Vốn xã hội và phát triển cộng đồng		3									
6.	Trầm cảm và kỹ năng kiểm soát trầm cảm trong chăm sóc sức khỏe tâm thần tại cộng đồng		3		1						2	
7.	Công tác xã hội với người nghiện ma túy, người có HIV/AIDS		3		1						2	
8.	Mô hình chăm sóc người cao tuổi		3		1						2	
9.	Chuyên đề 1,2,3	1		2	2	2					2	
10.	Chuyên đề tổng quan nghiên cứu	1		2	2	2					2	
11.	Luận án tiến sĩ	2		3	3	3				3	3	2

Ghi chú: 1 = Đóng góp ở mức thấp (giới thiệu); 2 = Đóng góp ở mức trung bình (nâng cao); 3 = Đóng góp ở mức cao (trọng tâm)

6. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

6.1. Quy trình đào tạo

Theo Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ (Thông tư 18/2021/TT-BGDĐT về “*Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ Tiến sĩ*” ngày 28 tháng 06 năm 2021 của Bộ Giáo Dục và Đào Tạo) và Quy chế tuyển sinh và Đào tạo trình độ Tiến sĩ của Học viện Phụ nữ Việt Nam ban hành theo Quyết định số 169/QĐ-HVPNVN ngày 03/3/2023.

Quá trình tổ chức giảng dạy, đánh giá học phần được tổ chức triển khai theo hình thức trực tiếp hoặc kết hợp giữa trực tiếp và trực tuyến, đảm bảo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Học viện Phụ nữ Việt Nam về tổ chức đào tạo và khảo thí (khối lượng học tập trực tuyến không vượt quá 30% tổng khối lượng của chương trình đào tạo khi đáp ứng các quy định hiện hành về ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và tổ chức đào tạo qua mạng; bảo đảm chất lượng không thấp hơn so với các lớp học trực tiếp). Trong trường hợp thiên tai, dịch bệnh và các trường hợp bất khả kháng khác, Học viện Phụ nữ Việt Nam thực hiện đào tạo trực tuyến các học phần theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Hình thức đánh giá trực tuyến được áp dụng khi bảo đảm sự tin cậy, công bằng và khách quan như đánh giá trực tiếp, đồng thời đóng góp không quá 50% trọng số điểm học phần.

6.2. Điều kiện tốt nghiệp

Nghiên cứu sinh được xét công nhận tốt nghiệp chương trình đào tạo tiến sĩ Công tác xã hội nếu có đủ các điều kiện sau:

- Hoàn thành đầy đủ khối lượng và nội dung học tập của chương trình đào tạo;
- Bảo vệ thành công luận án tiến sĩ trước hội đồng chấm luận án và đạt yêu cầu thẩm định đối với các luận án thuộc diện thẩm định;
- Đã nộp bản luận án, tóm tắt luận án, kèm theo đĩa compact (CD) ghi toàn bộ nội dung luận án, tóm tắt luận án, giới thiệu luận án bằng tiếng Việt và tiếng Anh, các bài báo đã công bố kèm theo phần mềm để đọc các nội dung đó (nếu cần) cho Thư viện Quốc gia và Viện Công nghệ thông tin - Học viện Phụ nữ Việt Nam để đưa vào cơ sở dữ liệu số hóa;
- Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp, nghiên cứu sinh không đang trong thời gian bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

Nghiên cứu sinh không đủ điều kiện tốt nghiệp sẽ được cấp chứng nhận điểm các học phần, chuyên đề đã hoàn thành trong chương trình đào tạo và được cấp các chứng chỉ theo các khối kiến thức đã hoàn thành. Giám đốc Học viện Phụ nữ Việt Nam cấp chứng nhận điểm học phần, chuyên đề và các chứng chỉ khối kiến thức cho nghiên cứu sinh.

Học viện Phụ nữ Việt Nam hoàn chỉnh hồ sơ đề nghị công nhận học vị và cấp bằng tiến sĩ cho nghiên cứu sinh đã đáp ứng các điều kiện theo quy định trong thời hạn tối đa 10 ngày làm việc kể từ ngày nghiên cứu sinh bảo vệ thành công luận án. Việc quyết định công nhận học vị và cấp bằng tiến sĩ được tiến hành sau 3 tháng kể từ khi nhận được đầy đủ hồ sơ đề nghị. Hồ sơ này phải được lưu trữ theo quy định.

Giám đốc Học viện Phụ nữ Việt Nam quyết định công nhận học vị và cấp bằng tiến sĩ cho các nghiên cứu sinh đã bảo vệ thành công luận án trên cơ sở các hồ sơ chấm luận án (bao gồm hồ sơ của các luận án không phải thẩm định và hồ sơ của các luận án đã đạt yêu cầu thẩm định).

Bằng tiến sĩ có chữ kí của Giám đốc Học viện Phụ nữ Việt Nam, được đóng dấu của Học viện Phụ nữ Việt Nam. Giám đốc Học viện Phụ nữ Việt Nam cấp bằng điểm học tập cho nghiên cứu sinh của đơn vị mình kèm theo bằng tiến sĩ đã được cấp. Bảng điểm học tập của nghiên cứu sinh bằng tiếng Việt và tiếng Anh, ghi rõ tên chuyên ngành, tên học phần, số tín chỉ của học phần, điểm học phần, tổng số tín chỉ các học phần, điểm trung bình chung tích lũy toàn khoá, tên đề tài luận án, kết quả chấm luận án và tập thể cán bộ hướng dẫn.

Học viện Phụ nữ Việt Nam tổ chức trao bằng tiến sĩ theo nghi lễ mỗi năm một lần cho tất cả các nghiên cứu sinh đã hoàn thành chương trình đào tạo trong năm.

7. Phương pháp dạy học, đánh giá kết quả học tập

Nghiên cứu sinh tham gia các học phần lý thuyết theo chương trình đào tạo;

Nghiên cứu sinh tự nghiên cứu thông qua các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước, giáo trình tài liệu tham khảo; Tự giác trong việc tự nghiên cứu, đồng thời tích cực tham gia nghiên cứu theo nhóm; Tích cực khai thác các tài nguyên trên internet và trong thư viện của Học viện Phụ nữ Việt Nam, Thư viện Quốc Gia, các thư viện của các Trường đại học khác trong và ngoài nước để phục vụ cho việc tự nghiên cứu và làm luận án tiến sĩ; Thực hiện nghiêm túc quy chế thi cử, kiểm tra, đánh giá học phần.

7.1. Phương pháp, công nghệ dạy học

- Phương pháp giảng dạy hướng vào việc tăng cường tính chủ động, tích cực và sáng tạo của học viên. Các phương pháp giảng dạy chính, cụ thể:

- Phương pháp thuyết trình truyền thống
- Phương pháp dạy học nhóm, thảo luận nhóm
- Phương pháp nghiên cứu trường hợp điển hình
- Phương pháp thực hành xây dựng dự án
- Tự nghiên cứu...

- Rèn luyện cho học viên phương pháp tự học, kỹ năng đọc tài liệu, kỹ năng tự nghiên cứu, kỹ năng hợp tác, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng khai thác thông tin, kỹ năng phản biện...

- Đối với luận án tiến sĩ: Phân công giáo viên hướng dẫn luận án tiến sĩ đối với những học viên đủ điều kiện làm luận án tiến sĩ. Hướng dẫn học viên vận dụng các kiến thức, kỹ năng và đạo đức nghề nghiệp vào thực hiện luận án tiến sĩ. Giảng viên giám sát, đôn đốc học viên để đảm bảo chất lượng luận án tiến sĩ và đảm bảo tiến độ tốt nghiệp.

7.2. Phương pháp đánh giá kết quả học tập

Các hình thức, phương pháp đánh giá quá trình, đánh giá cuối ở tất cả các học phần: bài tập, bài tự luận, bài thi viết, nghiên cứu trường hợp, báo cáo, vấn đáp, dự án, tiểu luận...

Thang điểm đánh giá chung; cơ cấu điểm thành phần, điểm cuối kỳ: Điểm thành phần và điểm đánh giá kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân. Phòng Đào tạo có trách nhiệm quy đổi từ thang điểm 10 sang thang điểm 4 và điểm chữ.

Cơ chế, hình thức công khai kết quả đến người học, tiếp nhận sự phản hồi ý kiến từ người học: Kết quả học tập được công khai trên hệ thống tài khoản điện tử của học viên, đảm bảo nhanh chóng và dễ dàng tra cứu.

Dự kiến rà soát, thay đổi phương pháp đánh giá trong chương trình đào tạo: Phương pháp đánh giá kết quả học tập được rà soát, thay đổi theo sự rà soát, chỉnh sửa chương trình đào tạo (2 năm một lần).

8. Mô tả tóm tắt các học phần

STT	Tên học phần	Tóm tắt học phần
1.	Thiết kế và triển khai nghiên cứu trong Công tác xã hội (Designing and Conducting Social work Research)	Giới thiệu các kiến thức về nghiên cứu khoa học và các bước thực hiện một công trình nghiên cứu; cách thức triển khai một nghiên cứu như cách xây dựng chủ đề nghiên cứu; việc xây dựng và cách áp dụng lý thuyết cho công trình nghiên cứu. Sinh viên sẽ nắm được các phương pháp nghiên cứu khoa học, cách trình bày kết quả nghiên cứu khoa học và vấn đề đạo đức trong nghiên cứu khoa học.
2.	Các lý thuyết trong Công tác xã hội (Theories of social work)	Giới thiệu một số vấn đề lý luận về lý thuyết CTXH, đi sâu vào một số lý thuyết CTXH đã và đang được ứng dụng rộng rãi trong CTXH hiện đại. Phân tích bản chất của lý thuyết, các dạng lý thuyết ứng dụng trong CTXH và cách thức ứng dụng lý thuyết trong thực hành. Tập trung phân tích một số lý thuyết có tính ứng dụng cao như Tâm động học, thuyết hệ thống và hệ thống sinh thái; thuyết nhận thức- hành vi; mô hình lấy nhiệm vụ làm trung tâm hay Mô hình can thiệp khủng hoảng...
3.	Quản trị trong phát triển tổ chức cung cấp dịch vụ xã hội	Cung cấp kiến thức, kỹ năng trong việc quản lý, điều hành, tổ chức để phát triển cơ quan, đơn vị nhằm đạt được các

STT	Tên học phần	Tóm tắt học phần
	(Administration of Developing Organization for Providing)	mục tiêu của cơ quan là cung cấp các dịch vụ tốt nhất cho xã hội, những kỹ năng cốt lõi của quản trị như việc hoạch định chiến lược phát triển cơ quan nhằm triển khai thực hiện các chính sách xã hội thành dịch vụ xã hội liên quan đến tiến trình trong việc phát triển cơ quan phù hợp với tình hình chính trị, xã hội và kinh tế để đạt được việc phân phối các nguồn lực trong xã hội, đáp ứng các yêu cầu về an sinh xã hội. Nhấn mạnh tinh thần làm việc hợp tác, thông qua hoạt động thực tiễn, nghiên cứu để đề xuất các chính sách xã hội cần thiết và phù hợp cho xã hội.
4.	Lịch sử và lý thuyết Phúc lợi xã hội (Social welfare Theories and History)	Phân tích khái niệm phúc lợi xã hội và các thiết chế phúc lợi xã hội, phân tích phúc lợi xã hội trong mối quan hệ với tiến bộ xã hội, biến đổi xã hội, và toàn cầu hóa. Giới thiệu khái quát về phúc lợi xã hội ở một số nước trên thế giới. Khái quát về quá trình phát triển của phúc lợi nhà nước. Giới thiệu lịch sử phúc lợi xã hội ở một số nước tư bản chủ nghĩa, lịch sử phúc lợi xã hội ở một số nước xã hội chủ nghĩa. Phân tích các lý thuyết về phúc lợi xã hội mang tính đại diện, các lý thuyết về nguồn gốc và chức năng của phúc lợi nhà nước, các lý thuyết quy chuẩn về phúc lợi nhà nước.
5.	Vốn xã hội và phát triển cộng đồng (Social Capital and Community Development)	Những vấn đề chung về vốn xã hội và cộng đồng; cộng đồng với việc tạo dựng và duy trì vốn xã hội, tập trung vào việc tạo dựng và duy trì vốn xã hội co cụm vào trong, vốn xã hội vuran ra bên ngoài và vốn xã hội kết nối của cộng đồng. Phân tích vai trò của vốn xã hội trong phát triển cộng đồng trên các bình diện khác nhau. Phân tích thực tiễn vốn xã hội trong phát triển cộng đồng ở Việt Nam qua các khu vực khác nhau.

STT	Tên học phần	Tóm tắt học phần
6.	Trầm cảm và kỹ năng kiểm soát trầm cảm trong chăm sóc sức khỏe tâm thần tại cộng đồng (Depression and skill for controlling depression in mental healthcare in community)	Giới thiệu kiến thức nâng cao về trầm cảm, chăm sóc sức khỏe tâm thần với người trầm cảm dựa vào cộng đồng; các chính sách, mạng lưới và chương trình hỗ trợ cho người trầm cảm trên thế giới và ở Việt Nam; nguyên nhân, tình trạng bệnh và các yếu tố ảnh hưởng tới tiến triển của bệnh trầm cảm ở thanh thiếu niên, phụ nữ sau sinh và người cao tuổi; các nhóm kỹ năng kiểm soát trầm cảm. Dựa trên kiến thức đã được trang bị, nghiên cứu sinh sẽ ứng dụng vào phân tích những trường hợp cụ thể dựa trên những đánh giá ban đầu, đưa ra được những đề xuất can thiệp, điều trị cho người trầm cảm dựa vào cộng đồng.
7.	Công tác xã hội với người nghiện ma túy, người có HIV/AIDS (Social work with group of substance – abused and effected by HIV/AIDS)	Giới thiệu những nghiên cứu chuyên sâu về người nghiện ma túy, người nhiễm HIV/AIDS trên thế giới và ở Việt Nam; về các phương pháp, mô hình, dịch vụ và chương trình can thiệp, hỗ trợ, người cai nghiện ma túy, người nhiễm HIV/AIDS, giúp người học hiểu sâu hơn, thực hành tốt hơn việc cung cấp các dịch vụ công tác xã hội để hỗ trợ người cai nghiện ma túy, người nhiễm HIV/AIDS giải quyết các vấn đề xã hội, giúp họ tái hòa nhập xã hội.
8.	Mô hình chăm sóc người cao tuổi (Model for Caring the Elderly)	Giới thiệu các mô hình Công tác xã hội với người cao tuổi tại nhà, tại cơ sở bảo trợ xã hội và tại bệnh viện. Trong mỗi mô hình sẽ giới thiệu về cách hỗ trợ tâm lý cho người cao tuổi, các hình thức chăm sóc, các hỗ trợ và kết nối, đặc biệt trợ giúp người cao tuổi phục hồi lại các hoạt động bình thường và tham vấn các thành viên trong gia đình hỗ trợ người cao tuổi.
9.	Chuyên đề 1,2,3 (Topic 1,2,3)	Quá trình thực hiện chuyên đề với những nhiệm vụ cụ thể mà học viên phải thực hiện dưới sự hướng dẫn của giảng viên hướng dẫn. Phần đầu học viên được hướng dẫn các kiến thức, kỹ năng và công cụ phục vụ cho thực hiện chuyên đề; phần thứ hai học viên trực tiếp thực hiện chuyên đề; phần thứ ba học viên phải hoàn thiện chuyên đề và đưa ra bảo vệ trước hội đồng chấm chuyên đề.

STT	Tên học phần	Tóm tắt học phần
10.	Chuyên đề tổng quan nghiên cứu (Research overview topic)	Quá trình thực hiện chuyên đề với những nhiệm vụ cụ thể mà học viên phải thực hiện dưới sự hướng dẫn của giảng viên hướng dẫn. Phần đầu học viên được hướng dẫn các kiến thức, kỹ năng và công cụ phục vụ cho thực hiện chuyên đề; phần thứ hai học viên trực tiếp thực hiện chuyên đề; phần thứ ba học viên phải hoàn thiện chuyên đề và đưa ra bảo vệ trước hội đồng chấm chuyên đề.
11.	Luận án tiến sĩ (Doctoral Thesis)	Quá trình làm đề án tốt nghiệp được chia làm ba giai đoạn với những nhiệm vụ cụ thể mà nghiên cứu sinh phải thực hiện dưới sự hướng dẫn của giáo viên hướng dẫn. Phần đầu nghiên cứu sinh được hướng dẫn các kiến thức, kỹ năng và công cụ phục vụ cho làm luận án tiến sĩ; phần thứ hai nghiên cứu sinh trực tiếp thực hiện luận án tiến sĩ; phần thứ ba nghiên cứu sinh phải hoàn thiện luận án tiến sĩ để đưa ra bảo vệ trước hội đồng chấm luận án tiến sĩ.



GIÁM ĐỐC

PGS, TS. Trần Quang Tiến